

Bản án số: 242/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03/7/2020

V/v “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Việt Quốc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Quốc Việt;

2. Ông Huỳnh Thanh Bình.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Chúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 252/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 280/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1992; cư trú: Ấp 5, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

*Bị đơn:* Ông Lê Duy L, sinh năm 1996, cư trú: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà B có mặt; ông L vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Nguyễn Thị B trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông Lê Duy L là do tự tìm hiểu được gia đình đồng ý tới hôn nhân vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang ngày 23/3/2016. Sau

khi cưới thì bà và ông L đi làm công nhân trên Bình Dương được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông L ăn chơi, có người phụ nữ khác, không quan tâm và chăm sóc vợ con trong giai đoạn bà mang thai. Khoảng tết năm 2017, khi con chung được 04 tháng tuổi thì bà về mẹ ruột sống và ly thân với ông L cho đến nay. Trong thời gian ly thân thì gia đình hai bên đứng ra hàn gắn nhưng ông Linh vẫn không thay đổi tính tình. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông L

Về con chung: Bà và ông L có con chung tên Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 28/9/2016, hiện cháu Q đang do bà nuôi dạy. Khi ly hôn, bà yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông Lê Duy L theo quy định nhưng ông L không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà B và ông L để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được: Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Lê Duy L thì xác định ông L vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 29/5/2020 được ông Lê Văn K cho biết: Ông là chú ruột của ông L. Cha mẹ ruột của ông L và ông L đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương nhưng vẫn thường xuyên về nhà. Bà Nguyễn Thị B và ông Lê Duy L là vợ chồng nhưng hiện nay hai người đã ly thân được vài năm. Theo ông khả năng hàn gắn của bà B và ông L là rất khó, không còn sống chung với nhau.

Tại phiên tòa, bà B trình bày: Yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của các luật.

Riêng ông L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Duy L. Đồng thời, ông L cư trú trên địa bàn huyện A. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lê Duy L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông L tự tìm hiểu yêu thương, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V ngày 23/3/2016 theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà B xin ly hôn với ông L, Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân giữa bà B và ông L đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Mâu thuẫn giữa bà B và ông L phù hợp với lời trình bày của ông Lê Văn K là chú ruột của ông L, theo ông K thì khả năng hàn gắn của bà B và ông L là không thể. Xét thấy mâu thuẫn của bà B, ông L không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của bà B theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống bà B và ông L có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 28/9/2016, hiện con chung đang do bà B nuôi dạy. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục con chung. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay thì cháu Q đều do bà B nuôi dạy. Do đó, để đảm bảo điều kiện sống của con chung, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận để cho bà B tiếp tục nuôi dạy con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết bà B không yêu ông L cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà B thay đổi yêu cầu, bà yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử buộc ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi cháu Q đủ 18 trưởng thành và sống tự lập. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà B là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông L không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị B.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 29 ngày 23/3/2016 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị B được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 28/9/2016.

Buộc ông Nguyễn Văn L phải cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng 750.000.000 đồng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi trưởng thành và sống tự lập. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án (03.7.2020)

Bà B cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009872 ngày 06/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà B đã nộp đủ). Ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/7/2020), các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Lê Duy L được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Việt Quốc**